TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-ST
Ngày: 04/08/2021
V/v: "*Tranh chấp chia tài sản chung, Đòi lại tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bé Bảy
2. Ông Nguyễn Kim Huy Bằng

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST - DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về "*Tranh chấp chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông M, sinh năm 1952

Địa chỉ: 161 khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tuấn Vĩnh Thụy, sinh năm 1973

Địa chỉ: 508 Phạm Hùng, ấp Bình Tạo, xã Trung An, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1960

Địa chỉ: 5/9 Hồ Văn Nhánh, phường 5, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông T2, sinh năm 1957

Địa chỉ: 169A khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Bà Trần Thị Thảo, sinh năm 1962

Chị Nguyễn Thị Thu Trang, sinh năm 1985

Chị Nguyễn Thị Tuyết Dung, sinh năm 1988

Anh Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh năm 1990

Chị Trần Thị Mộng Tuyền, sinh năm 1985

Phạm Nhật Anh, sinh năm 2007

Phạm Ngọc Minh Thư, sinh năm 2012

Người đại diện theo pháp luật của Anh và Thư: Chị Nguyễn Thị Thu Trang

Nguyễn Ngọc Xuân Mai, sinh năm 2014

Nguyễn Phú, sinh năm 2017

Người đại diện theo pháp luật của Mai, Phú: Nguyễn Trọng Nghĩa

Cùng địa chỉ: 5/9 Hồ Văn Nhánh, phường 5, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Ông Thụy, ông T, ông T2, bà Thảo, chị Trang, anh Nghĩa có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2020 của ông M và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Võ Tuấn Vĩnh Thụy là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho thì ông M, ông T2, ông T là đồng sở hữu sử dụng phần đất trồng cây lâu năm và đất ở có tổng diện tích 498,1 m^2 tọa lạc tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, gắn liền với căn nhà trên đất có cấu trúc móng cột bê tông, vách tường, mái tole. Hiện nay ông T cùng vợ và các con đang ở, quản lý nhà đất trên.

Nhận thấy giữa ông M với ông T, ông T2 không thể tự thỏa thuận phân chia tài sản chung là nhà, đất trên được nên ông M yêu cầu: Chia cho ông M 1/3 tài sản chung là phần đất trồng cây lâu năm và đất ở có tổng diện tích 498,1 m^2 tọa lạc tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, gắn liền với căn nhà trên đất có cấu trúc móng cột bê tông, vách tường, mái tole. Đối với đất ông M yêu cầu nhận bằng hiện vật diện tích đất là 166 m^2, đối với căn nhà ông yêu cầu nhận bằng giá trị.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 7 năm 2020, đơn phản tố ngày 16 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho thì ông M, ông T2, ông là đồng sở hữu sử dụng phần đất trồng cây lâu năm và đất ở có tổng diện tích 498,1 m^2 tọa lạc tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, gắn liền với căn nhà trên đất có cấu trúc móng cột bê tông, vách tường, mái tole, trị giá là 450.674.000 đồng. Hiện nay ông cùng vợ và các con đang ở, quản lý nhà đất trên.

Ngày 22/9/2016, ông có đưa tiền cho con trai là Nguyễn Trọng Nghĩa giao cho ông Nguyễn Văn Lê số tiền 89.229.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho. Ngày 10/8/2017, ông đưa cho ông T2 số tiền 13.520.220 đồng nộp phí thi hành án. Giữa ông với ông M, ông T2 có thỏa thuận sau khi ông ứng tiền để giao cho ông Lê và nộp phí thi hành án thì ông M, ông T2 mỗi người phải hoàn lại cho ông 1/3 số tiền tương ứng. Tuy nhiên đến nay ông M và ông T2 vẫn chưa hoàn trả tiền lại cho ông.

Nay ông yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung chưa chia là phần đất diện tích 498,1 m^2 và căn nhà trên đất tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho. Ông hoàn giá trị lại cho ông M và ông T2 mỗi người 90.000.000 đồng.

Đối với số tiền ông đã bỏ ra để giao cho ông Lê và nộp phí thi hành án thay cho ông M thì ông yêu cầu ông M trả lại cho ông theo tỷ lệ 1/3 và ông yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày ông thực hiện thay.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông T.

Ông đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của ông M nhưng chia bằng giá trị cho ông M với giá 89.229.000 đồng, phần tài sản chung còn lại giữa ông với ông T tôi không yêu cầu chia mà để ông T tiếp tục quản lý, sử dụng.

Phần tiền mà ông T đã thay ông trả cho ông Lê khi thi hành án ông với ông T sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu Trang, chị Nguyễn Thị Tuyết Dung, anh Nguyễn Trọng Nghĩa trình bày:

Anh, chị là con của ông T và hiện đang sinh sống tại căn nhà trên phần đất tranh chấp. Ông M, ông T2 và hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Thinh thỏa thuận để lại nhà và đất cho ông T thờ cúng ông bà và yêu cầu ông T phải hoàn giá trị cho ông Lê là 89.229.000 đồng và phí thi hành án, phí thuê luật sư. Ông T2 cũng đồng ý và chứng kiến sự việc này. Ông T đã vay tiền để trả tổng số tiền là 112.749.220 đồng. Sau đó cả hộ gia đình ông T mới về ở trong căn nhà trên phần đất này. Nhà và đất là nơi sinh sống duy nhất của cả hộ gia đình ông T. Gia đình đã có nhiều công sức quản lý, cải tạo nên nhà và đất mới có giá trị như ngày nay.

Nay anh, chị thống nhất với ý kiến của ông T là đồng ý chia cho ông M 01 kỷ phần thừa kế như trước đây đã thỏa thuận theo Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho là 89.229.000 đồng.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà Trần Thị Thảo, chị Trần Thị Mộng Tuyền đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng các

đương sự đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị Mộng Tuyền đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; chị Nguyễn Thị Tuyết Dung, có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ông M yêu cầu chia tài sản chung đối với các tài sản ông M, ông T2, ông T được chia Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016. Ông T yêu cầu ông M hoàn trả lại khoản tiền mà ông đã thực hiện thay khi thi hành Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp chia tài sản chung; đòi lại tài sản"* theo quy định tại khoản 2, khoản 14 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho và các đương sự đều xác nhận và có lời khai thống nhất tài sản chung đang tranh chấp gồm phần đất trồng cây lâu năm và đất ở có diện tích 498,1 m^2 thuộc thửa 294 tờ bản đồ số 24 tổng diện tích 840,42 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02543 do Ủy ban nhân dân TP. Mỹ Tho cấp ngày 28/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hai và 01 căn nhà trên đất tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho là tài sản của ông M, ông T2, ông T.

[5] Các đương sự đều thống nhất là tài sản chung chưa chia. Do đó, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của ông M, ông T2, ông T đối với căn nhà và phần đất là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá ngày 30/3/2021 của công ty cổ phần định giá và tư vấn đầu tư quốc tế thì giá trị quyền sử dụng đất là 1.428.350.000 đồng; giá trị căn nhà là 168.036.240 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: **1.596.386.240 đồng.**

[7] Nhà đất tranh chấp do ông T ở cùng gia đình quản lý, sử dụng từ năm 2017 đến nay. Quá trình quản lý sử dụng ông T đã có công sức trong việc giữ gìn, bảo quản căn nhà và giữ gìn đất. Mặc dù ông T không có chứng cứ văn bản về chi phí mà ông đã bỏ ra tuy nhiên giá trị quyền sử dụng đất tăng lên tuy từ nhiều yếu tố nhưng đó cũng vừa là cơ sở để xác định công sức, vừa là căn cứ để tính công sức cho người quản lý. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho ông T, trước khi chia tài sản phải trích cho ông T một phần từ giá trị khối tài sản chung để thanh toán công sức quản lý cho ông T. Đối với yêu cầu được hưởng công sức duy trì, tôn tạo, bảo quản tài sản của ông T bằng 2/3 diện tích phần đất có tranh chấp là không hợp lý vì trong thời gian quản lý tài sản chung thì ông T cũng đã được hưởng lợi từ việc sử dụng đất và căn nhà nên phải cấn trừ với chi phí thanh toán cho ông. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần yêu cầu của ông T và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, tính công sức quản lý của ông T với giá trị là **156.386.240** đồng.

[8] Tài sản chung của ông M, ông T2, ông T sau khi trừ đi công sức quản lý tài sản còn lại là: 1.596.386.240 – 156.396.240 = 1.440.000.000 đồng. Tài sản chung của ông M, ông T2, ông T được chia cho 03 người, mỗi người được hưởng phần tương đương giá trị là: 1.440.000.000 : 3 = **480.000.000 đồng.**

[9] Nguyên đơn yêu cầu được chia một phần đất diện tích 166 m^2 (ký hiệu T-5 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 09/4/2021). Xét thấy, phần diện tích đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế là 498,1 m^2 là có diện tích lớn, có đủ điều kiện để chia bằng hiện vật mà vẫn đảm bảo giá trị sử dụng và đảm bảo quyền yêu cầu được phân chia tài sản bằng hiện vật của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung bằng hiện vật như sau:

- Chia chung cho ông T phần đất diện tích 332,1 m^2 (ký hiệu T-1, T-2, T-3, T-4) và căn nhà trên đất, trị giá là 1.154.886.240 đồng. Ông T có nghĩa vụ trả cho ông M tiền chênh lệch là 65.000.000 đồng.

- Chia cho ông M một phần đất diện tích 166 m^2 (ký hiệu T-5) trị giá là 415.000.000 đồng.

- Ông T2 giao toàn bộ phần đất và phần giá trị căn nhà mà ông được chia cho ông T quản lý, sử dụng và định đoạt. Việc hoàn tiền do ông T và ông T2 tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[10] Trên phần đất ông M được chia có các cây trồng do ông T trồng với giá trị là 14.709.000 đồng. Ông M thống nhất với số tiền trên và đồng ý trả lại cho ông T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Đối với phần đất có diện tích 91,6 m^2 (ký hiệu T-6) nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Hai và không nằm trong phần diện tích ông M, ông T, ông T2 yêu cầu chia theo Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[12] Căn cứ hồ sơ do Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho cung cấp liên quan đến việc thi hành Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho có cơ sở xác định ông T đã nộp thay cho ông M, ông T2 số tiền 89.229.000 đồng giao trả cho ông Nguyễn Văn Lê vào ngày 22/9/2016; nộp phí thi hành án là 13.520.000 đồng vào ngày 10/8/2017. Tổng số tiền ông T đã nộp thi hành án là 102.749.000 đồng.

Xét thấy đây là các nghĩa vụ liên đới của ông M, ông T2, ông T đối với ông Lê và Nhà nước và mỗi người có trách nhiệm ngang nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 288 của Bộ luật Dân sự thì: *"Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình"*. Ông T đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Như vậy, ông T có quyền yêu cầu ông M trả lại cho ông phần đã trả. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông M trả lại cho ông T số tiền là 34.249.000 đồng.

[13] Đối với yêu cầu của ông T yêu cầu quy đổi khoản tiền đó ra đất theo giá đất tại thời điểm ông nộp tiền thay, rồi tính phần đất đó thành tiền theo giá đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm để buộc ông M phải thanh toán theo số tiền đó là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[14] Theo Quyết định số 11/2016/QĐST-DS ngày 15/02/2016 thì ông T, ông T2, ông M có nghĩa vụ trả tiền cho ông Lê đến ngày 29/4/2016 nên nghĩa vụ này đã đến hạn phải thực hiện. Từ thời điểm ông T thực hiện nghĩa vụ thay cho ông M thì ông M phải có nghĩa vụ trả lại tiền cho ông T nhưng ông M chậm thực hiện, do đó ông M phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền lãi được tính như sau:

29.743.000 đồng x 9%/năm x 70 tháng (22/9/2016 đến 04/8/2022) = 15.615.000 đồng.

4.506.000 đồng x 10%/năm x 60 tháng (10/8/2017 đến 04/8/2022) = 2.253.000 đồng.

[15] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí cho việc đo đạc và xem xét thẩm định là 15.000.000 đồng. Ông M đã nộp tạm ứng số tiền 15.000.000 đồng nên ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M số tiền 10.000.000 đồng (ông T chịu phần nghĩa vụ của ông T2). Đối với chi phí định giá tài sản ông M đã tạm ứng chi phí để thực hiện nhưng ông M không cung cấp được hóa đơn, chứng từ và ông M tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Về án phí: Ông M, ông T, ông T2 được miễn tiền án phí do là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[17] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 219, 288, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 157, 163 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc chia tài sản chung.

Xác định phần đất trồng cây lâu năm và đất ở có diện tích 498,1 m^2 thuộc thửa 294 tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02543 do Ủy ban nhân dân TP. Mỹ Tho cấp ngày 28/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hai và 01 căn nhà trên đất tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho là tài sản của ông M, ông T2, ông T. Tổng giá trị tài sản là 1.596.386.240 đồng.

2. Chia hiện vật như sau:

2.1 Chia cho ông T được quản lý, sử dụng phần đất diện tích 332,1 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm (ký hiệu T-1, T-2, T-3, T-4 trên sơ đồ kèm theo) thuộc một phần của thửa 294, tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02543 do Ủy ban nhân dân TP. Mỹ Tho cấp ngày 28/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hai và sở hữu căn nhà trên đất có kết cấu cột bêtông, vách tường, mái tole, nền gạch men có mái che. Đất tọa lạc tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Đất có vị trí như sau:

- Đông giáp phần còn lại thửa 294 (phần chia cho ông M): 39,71m;

- Tây giáp đất Nguyễn Thị Trúc Linh: 38,69m;

- Nam giáp đường Làng nghề (phần đất nằm ngoài GCN): 10,56m;

- Bắc giáp mương thoát nước: 6,54m.

2.2 Chia cho ông M được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 166,0 m^2 đất trồng cây lâu năm (ký hiệu T-5 trên sơ đồ kèm theo) thuộc một phần của thửa đất số 294 tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02543 do Ủy ban nhân dân TP. Mỹ Tho cấp ngày 28/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Hai. Đất tọa lạc tại khu phố 5, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Đất có vị trí như sau:

- Đông giáp mương thoát nước: 40,70m;

- Tây giáp phần còn lại thửa 294 (phần chia cho ông T): 39,71m;

- Nam giáp đường Làng nghề (phần đất nằm ngoài GCN): 5,98m;

- Bắc giáp mương thoát nước: 2,50m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với tài sản được chia.

3. Về hoàn giá trị:

3.1 Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền là 65.000.000 đồng.(Sáu mươi lăm triệu đồng).

3.2 Việc hoàn tiền giữa ông T với ông T2 do ông T và ông T2 tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

3.3 Ông M được sở hữu cây trồng của ông T trên phần đất được chia gồm bưởi da xanh: 11 cây; bưởi long cổ cò: 07 cây; xoài: 01 cây; dừa: 02 cây; nhãn: 01 cây; mận: 01 cây; cóc: 01 cây; khế: 01 cây.

3.4 Ông M có nghĩa vụ trả cho ông T giá trị cây trồng với số tiền là 14.709.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm lẻ chín nghìn đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T. Buộc ông M trả lại cho ông T tiền ông T đã thực hiện nghĩa vụ thi hành án thay ông M với số tiền:

- Nợ gốc là 34.249.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Tiền lãi chậm trả là: 17.868.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

5. Về án phí: Ông M, ông T, ông T2 được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

6. Về chi phí tố tụng: Ông T có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc